| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 32/2025/ DS-ST
Ngày: 28-3-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoài Trang

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Hưng, bà Nguyễn Thị Bạn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Phan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Tinh - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 1068/2025/TLST-DS ngày 13/12/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn***: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Lầu H, 2 N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh;

*Đại diện theo ủy quyền*: Bà Nguyễn Thị Phương T (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 1 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

***- Bị đơn***: Ông Nguyễn Ngọc T1 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số H X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:** Ngày 24/05/2023, Ông Nguyễn Ngọc T1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của Ông Nguyễn Ngọc T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông Nguyễn Ngọc T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền vốn gốc là: 22.390.727 đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 11/09/2024 là: 6.750.175 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông Nguyễn Ngọc T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó Ông Nguyễn Ngọc T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán

của ngân hàng S1. Tính đến ngày 11/09/2024, Ông Nguyễn Ngọc T2 còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 22.309.727 đồng Lãi quá hạn: 6.750.175 đồng Tổng cộng: 29.059.902 đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín triệu không trăm năm mươi chín ngàn chín trăm lẻ hai đồng)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc nhắc nợ với Ông Nguyễn Ngọc T1, yêu cầu Ông Nguyễn Ngọc T1 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để Ông Nguyễn Ngọc T1 trả nợ, tuy nhiên Ông Nguyễn Ngọc T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết buộc Ông Nguyễn Ngọc T1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/09/2024 là 29.059.902 đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín triệu không trăm năm mươi chin ngàn chín trăm lẻ hai đồng) trong đó: Nợ gốc: 22.309.727 đồng. Lãi quá hạn: 6.750.175 đồng Tổng cộng: 29.059.902 đồng. Yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi trả xong nợ.

**Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt.**

**Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:**

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc ông Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 29.059.902 đồng (trong đó nợ gốc: 22.309.727 đồng. Nợ lãi: 6.750.175 đồng), tính đến ngày 11/9/2024 và toàn bộ lãi phát sinh từ ngày 12/9/2024 đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong giấy cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Về án phí và các chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

**[1] Về quan hệ pháp luật**: Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T1 trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tống đạt các thông báo, giấy triệu tập cho ông T1 nhiều lần nhưng ông T1 vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Đại diện

theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**[2] Về nội dung vụ án:**

Ngày 24/05/2023 ông Nguyễn Ngọc T1 có ký với ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ (bao gồm giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân), hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi cấp thẻ tín dụng, ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền vốn gốc là 22.390.727 đồng. Ông T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngày 22/10/2024 Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T1 thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo cho ông T1 đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng nhưng ông T1 không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 11/09/2024 là 29.059.902 đồng, trong đó: Nợ gốc: 22.309.727 đồng. Lãi quá hạn: 6.750.175 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất trong giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng mà các bên đã ký kết là phù hợp theo Điều 466 Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận.

**[3] Về án phí dân sự sơ thẩm**:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; cụ thể  án phí dân sự sơ thẩm là: 22.390.727 đồng x 5% = 1.453.000đồng. (làm tròn)

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp

**[4] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, khoản 2, khoản 3 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 292, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban tường vụ Quốc hội quy định về  án phí, lệ phí Toà án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 29.059.902 đồng (*Hai mươi chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn chín trăm lẻ hai đồng*) tính đến ngày 11/09/2024 (trong đó: nợ gốc: 22.309.727 đồng, nợ lãi quá hạn: 6.750.175 đồng ); và toàn bộ lãi phát sinh từ ngày 12/9/2024 đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 24/5/2023.

* Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T1 phải chịu 1.453.000đồng (*Một triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 729.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng)* do Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp theo biên lai số AA/2023/0012435 ngày 25/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- CC THADS Tp. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hoài Trang**

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày …..tháng …..năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Phạm Thị Kim Cúc***